

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 119/2023/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 6 - 2023

“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc “xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Kim Y. Sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N. Sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, N vụ liên quan:** Ngân hàng N

Địa chỉ cư trú: Số 14-16, đường N, phường 2, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Chiến – Chức vụ Phó Giám đốc Agribank chi nhánh Cà Mau (theo giấy ủy quyền số 121A/QĐ – NHNo.TPCM ngày 10/5/2023 (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị và anh N chung sống vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/4/2017. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N hay ghen tuông vô cớ và kinh tế gia đình không ổn định nên từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, sống không hợp nhau, khoảng 05 tháng nay chị và anh N không còn chung sống với nhau. Hiện nay cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh N nên xin ly hôn với anh N.

- **Về con chung:** Chị và anh N có một người con chung tên Nguyễn Lê Quý B, sinh ngày 02/02/2018, do vợ chồng đi làm không có điều kiện chăm sóc con nên cháu B được khoảng hơn 04 tháng tuổi anh chị đã gửi cháu về nhà mẹ ruột của chị

ở xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn để chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tuần anh chị vẫn về thăm con. Do hiện nay con vẫn còn nhỏ nên chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng nợ Ngân hàng N số tiền 70.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ nhu cầu làm kinh tế trong gia đình. Khi ly hôn chị đồng ý cùng với anh N có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Ngân hàng N

Tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa bị đơn trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Y về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chị Y trình bày là không đúng, anh xét thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì, hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị Y. Tuy nhiên, chị Y cương quyết ly hôn anh vẫn đồng ý.

- *Về con chung*: Anh và chị Y có một người con chung tên Nguyễn Lê Quý B, sinh ngày 02/02/2018, do vợ chồng đi làm không có điều kiện chăm sóc con nên cháu B được khoảng hơn 04 tháng tuổi anh chị đã gửi cháu về nhà mẹ ruột của chị Y ở xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn để chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tuần anh chị vẫn về thăm con. Khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng nợ Ngân hàng N số tiền 70.000.000 đồng, vay vào khoản tháng 11/2022, mục đích vay phục vụ nhu cầu làm kinh tế trong gia đình. Khi ly hôn anh đồng ý cùng với chị Y có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Ngân hàng N

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Ngân hàng N trình bày: Anh Nguyễn Văn N có vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố C, theo hợp đồng tín dụng số 75011 AV20220 2892 ngày 15/11/2022, dư nợ hiện tại là 70.000.000 đồng, nợ trong hạn, đến nay ông N không có vi phạm cam kết trong hợp đồng đã ký với Agribank. Do đó, hiện nay Ngân hàng không yêu cầu ông N trả nợ trong vụ án này, khi nào có tranh chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Đồng thời, đại diện Ngân hàng N xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Kim Y yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N và có yêu cầu giải quyết nợ chung khi ly hôn nên được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố C, tỉnh Cà Mau nên vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng N theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Y về việc xin ly hôn với anh N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Y và anh N xác định hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên anh chị đều thống nhất ly hôn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên chấp nhận cho chị Y ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Chị Y và anh N xác định quá trình chung sống anh chị có một người con chung tên Nguyễn Lê Quý B, sinh ngày 02/02/2018, hiện nay con chung đang sống ở xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cháu B cho chị Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Y và anh N xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Y và anh N xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng N– Chi nhánh Cà Mau số tiền vay là 70.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7501LA20220 ngày 15/11/2022. Do đó, nay anh chị thống nhất mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ cho Ngân hàng N Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên chấp nhận. Tuy nhiên, đối với Ngân hàng N xác định không yêu cầu anh N trả nợ trong vụ án này, khi nào có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm trả nợ của các đương sự trong vụ án này. Khi nào có tranh chấp Ngân hàng N có quyền khởi kiện thành một vụ án dân sự khác.

[7] Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim Y về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Nguyễn Lê Quý B, sinh ngày 02/02/2018 cho chị Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh N.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản

trở.

3. Về tài sản chung: Chị Y, anh N xác định tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ngân hàng N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Kim Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, ngày 10/4/2023, chị Y nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003169 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, N vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Út

